

Số: /2026/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH2;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số ... của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, bao gồm:

a) Chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài; chuyển vốn, lợi nhuận, khoản thu hợp pháp bằng tiền ở nước ngoài về Việt Nam;

b) Chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được cấp văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài;

- c) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;
- d) Mở, sử dụng tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài để thực hiện đầu tư ra nước ngoài;

đ) Các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài.

2. Hoạt động quản lý ngoại hối đối với các hình thức đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định .../2026/NĐ-CP) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư quy định tại Điều 2 Nghị định số .../2026/NĐ-CP.
2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam (sau đây gọi là ngân hàng được phép).

2. Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số... .../2026/NĐ-CP là việc nhà đầu tư thực hiện:

a) Đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực theo quy định tại Điều 6 Thông tư này về các thông tin liên quan đến nhà đầu tư, vốn đầu tư, tài khoản vốn đầu tư mở tại ngân hàng được phép, thời hạn thực hiện dự án để thực hiện hoạt động đầu tư tại nước ngoài và tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài.

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực quy định tại Điều 6 Thông tư này khi có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối đã được cấp lần gần nhất và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài.

3. Xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài là việc Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu hoặc đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

4. Chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư là việc nhà đầu tư chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số....

5. Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài là tài khoản thanh toán của nhà đầu tư mở tại 01 ngân hàng được phép theo từng dự án đầu tư để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi là tài khoản vốn đầu tư).

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn, sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực.

Điều 4. Đồng tiền sử dụng để chuyển tiền ra nước ngoài

Đồng tiền sử dụng để chuyển tiền trước đầu tư, chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

1. Ngoại tệ.

2. Đồng Việt Nam trong trường hợp chuyển tiền trước đầu tư, chuyển vốn đầu tư sang quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư mà Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó có ký kết thỏa thuận, hiệp định song phương, đa phương quy định về việc cho phép sử dụng đồng Việt Nam trong các giao dịch thanh toán, chuyển tiền.

Điều 5. Tỷ giá quy đổi vốn đầu tư bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam

Thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số....../2026/NĐ-CP căn cứ trên số vốn đầu tư ra nước ngoài do nhà đầu tư quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài tại thời điểm lập đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 6. Thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu và đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với các dự án dưới đây:

a) Dự án đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư là tổ chức tín dụng;

b) Các dự án đầu tư ra nước ngoài không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 18 Nghị định số....../2026/NĐ-CP.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức (không phải là tổ chức tín dụng) có trụ sở chính trên địa bàn hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu và đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với các trường hợp sau:

a) Dự án thuộc diện phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định tại Điều 17 Nghị định số...../2026/NĐ-CP;

b) Dự án đầu tư ra nước ngoài không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định/2026/NĐ-CP.

3. Trường hợp thay đổi liên quan đến nhà đầu tư thực hiện dự án (bao gồm thay đổi địa chỉ, thay đổi do nhận chuyển nhượng một phần dự án đầu tư ra nước ngoài) dẫn đến thay đổi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối:

a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực mới có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất phối hợp cung cấp thông tin, chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực mới.

Chương II

QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC ĐẦU TƯ

Điều 7. Nguyên tắc chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư

1. Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam mở tại 01 ngân hàng được phép (sau đây gọi là tài khoản trước đầu tư) để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài. Mọi giao dịch thu, chi liên quan đến chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này phải thực hiện thông qua tài khoản trước đầu tư.

2. Nhà đầu tư phải mở tài khoản trước đầu tư riêng biệt cho mỗi dự án đầu tư ra nước ngoài. Trường hợp một dự án đầu tư ra nước ngoài có nhiều nhà đầu tư cùng tham gia, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản trước đầu tư riêng biệt để thực hiện các giao dịch liên quan.

3. Nhà đầu tư khi có nhu cầu thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày mở tài khoản trước đầu tư mới, nhà đầu tư thực hiện chuyển số dư trên tài khoản trước đầu tư đã mở sang tài khoản trước đầu tư mới mở, đồng thời đóng tài khoản trước đầu tư đã mở. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến chuyển tiền trước đầu tư trên tài khoản trước đầu tư mới sau khi đã đóng tài khoản trước đầu tư đã mở.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về:

a) Số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Tính xác thực của các tài liệu, chứng từ cung cấp cho ngân hàng được phép để chứng minh việc chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư phù hợp với mục đích quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số...../2026/NĐ-CP.

5. Tổng số tiền nhà đầu tư chuyển ra nước ngoài trước đầu tư để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài không được vượt quá hạn mức chuyển tiền ra nước ngoài và được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số...../2026/NĐ-CP.

6. Trường hợp dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư và số tiền chuyển ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của mỗi nhà đầu tư không vượt quá số vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư đó được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

7. Trường hợp dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư và số tiền chuyển ra nước ngoài sau khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu không vượt quá số vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư đó được ghi trong văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu.

8. Trường hợp không hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài hoặc không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc không được cấp xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), nhà đầu tư chuyển về Việt Nam số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) hoặc được bên nước ngoài hoàn lại các khoản chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài thông qua tài khoản trước đầu tư và phải đóng tài khoản trước đầu tư đã mở.

9. Nhà đầu tư được sử dụng tài khoản trước đầu tư quy định tại Điều này làm tài khoản vốn đầu tư và phải thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản trước đầu tư bằng ngoại tệ

1. Thu:

a) Thu ngoại tệ chuyển khoản từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư;

b) Thu ngoại tệ mua từ ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Thu ngoại tệ từ việc chuyển số dư trên tài khoản trước đầu tư đã mở trước đây (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ) trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;

d) Thu chuyển khoản ngoại tệ về Việt Nam trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hết số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư này;

đ) Thu chuyển khoản từ việc chuyển đổi ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về Việt Nam trong trường hợp đồng tiền chuyển về khác với đồng tiền của tài khoản ngoại tệ trước đầu tư;

e) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

a) Chi chuyển khoản ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích trước đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số.....;

b) Chi bán ngoại tệ cho ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Chi chuyển khoản ngoại tệ vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư;

d) Chi ngoại tệ từ việc chuyển số dư ngoại tệ trên tài khoản trước đầu tư đã mở trước đây (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ) trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;

đ) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Điều 9. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản trước đầu tư bằng đồng Việt Nam

1. Thu:

a) Thu chuyển khoản đồng Việt Nam từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư;

b) Thu từ việc chuyển số dư trên tài khoản trước đầu tư bằng đồng Việt Nam đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;

c) Thu chuyển khoản đồng Việt Nam từ nước ngoài chuyển về Việt Nam trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hết số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư này;

d) Thu đồng Việt Nam từ việc chuyển đổi ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về Việt Nam trong trường hợp đồng tiền chuyển về khác với đồng tiền của tài khoản trước đầu tư;

đ) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

a) Chi chuyển khoản đồng Việt Nam ra nước ngoài cho các mục đích trước đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số...../2026/NĐ-CP;

b) Chi chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư;

c) Chi từ việc chuyển số dư trên tài khoản trước đầu tư bằng đồng Việt Nam đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản trước đầu tư;

d) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Chương III

MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 10. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc trước khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư tại 01 ngân hàng được phép. Mọi giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư này phải thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư.

2. Nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam và/hoặc tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ tại cùng 01 ngân hàng được phép cho mỗi dự án đầu tư ra nước ngoài để chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài. Trường hợp tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ, nhà đầu tư được mở 01 tài khoản vốn đầu tư tương ứng với mỗi loại ngoại tệ.

3. Trường hợp một dự án đầu tư ở nước ngoài có nhiều nhà đầu tư cùng tham gia, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt để chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài trong phạm vi tổng vốn đầu tư và tỷ lệ phần vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối.

4. Trường hợp có sự thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài do chuyển nhượng dự án đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư trong nước:

a) Đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh,

(i) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án phải mở tài khoản vốn đầu tư mới tại 01 ngân hàng được phép và thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Trường hợp chuyển nhượng một phần dự án đầu tư, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

b) Đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài,

(i) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án phải mở tài khoản vốn đầu tư mới tại 01 ngân hàng được phép và thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực theo quy định tại Điều 6 Thông tư này để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Trường hợp chuyển nhượng một phần dự án đầu tư, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân

hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

c) Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án phải đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở và thông báo bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi đã xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất, kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về việc đóng tài khoản vốn đầu tư.

5. Nhà đầu tư khi có nhu cầu thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư (gồm cả thay đổi loại ngoại tệ) phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Mở mới tài khoản vốn đầu tư tại 01 ngân hàng được phép khác;

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, nhà đầu tư thực hiện chuyển số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây (bao gồm chuyển đổi loại ngoại tệ nếu có) sang tài khoản vốn đầu tư mới mở và đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở.

d) Tài khoản vốn đầu tư mới chỉ được thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư này sau khi đã hoàn tất các thủ tục tại điểm a, b và c khoản này.

6. Nhà đầu tư khi có nhu cầu mở mới hoặc thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác tại cùng ngân hàng được phép phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Mở mới tài khoản vốn đầu tư tại cùng ngân hàng được phép;

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực.

Điều 11. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ

1. Thu:

a) Thu ngoại tệ chuyển khoản từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư;

b) Thu ngoại tệ mua từ ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Thu ngoại tệ từ việc chuyển số dư ngoại tệ trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư;

d) Thu lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu

tư ra nước ngoài;

đ) Thu chuyển khoản vốn đầu tư về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài;

e) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Thu ngoại tệ từ việc chuyển đổi ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về Việt Nam trong trường hợp đồng tiền chuyển về khác với đồng tiền của tài khoản vốn đầu tư;

i) Thu chuyển số dư ngoại tệ giữa tài khoản vốn đầu tư bằng các loại ngoại tệ của cùng một dự án đầu tư ra nước ngoài mở tại cùng một ngân hàng được phép, bao gồm chuyển đổi ngoại tệ;

k) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chi bán ngoại tệ cho ngân hàng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Chi ngoại tệ chuyển khoản vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư;

d) Chi cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chi chuyển số dư ngoại tệ sang tài khoản vốn đầu tư mới mở trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư;

g) Chi chuyển số dư ngoại tệ giữa tài khoản vốn đầu tư bằng các loại ngoại tệ của cùng một dự án đầu tư ra nước ngoài mở tại một ngân hàng được phép, bao gồm chuyển đổi ngoại tệ;

h) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản, giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Điều 12. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam

1. Thu:

a) Thu đồng Việt Nam chuyển khoản từ tài khoản thanh toán của nhà đầu tư;

b) Thu đồng Việt Nam từ việc chuyển số dư trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư;

c) Thu lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

d) Thu chuyển khoản vốn đầu tư về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài;

đ) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Thu lãi từ số dư trên tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Chi:

a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chi chuyển vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư;

c) Chi chuyển số dư đồng Việt Nam sang tài khoản vốn đầu tư mới mở trong trường hợp thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản vốn đầu tư;

d) Chi cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng được phép.

Chương IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LẦN ĐẦU, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 13. Nguyên tắc thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu

1. Nhà đầu tư thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực theo nguyên tắc sau:

a) Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài); hoặc được cấp mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng

nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài);

b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận hoặc cấp phép hoặc có tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư;

c) Đã mở tài khoản vốn đầu tư tại 01 ngân hàng được phép theo quy định và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài.

2. Việc đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu phải được thực hiện trước khi nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài thông qua tài khoản vốn đầu tư mở tại 01 ngân hàng được phép.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 17 Nghị định số.... /2026/NĐ-CP

1. Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

3. Văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp. Trường hợp pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư không quy định về việc cấp phép, chấp thuận đầu tư hoặc chỉ cấp phép sau khi nhà đầu tư đã thực hiện cam kết chuyển vốn đầu tư hoặc văn bản chấp thuận, cấp phép đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư không đủ thông tin về nội dung đầu tư, hoặc trường hợp nhà đầu tư hoán đổi để sở hữu cổ phần, phần vốn góp trong dự án ở nước ngoài hoặc sử dụng lợi nhuận tại tổ chức kinh tế ở nước ngoài cho dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số....., nhà đầu tư nộp tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư, bao gồm một trong các tài liệu sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập pháp nhân hoặc xác nhận đăng ký thuế do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp;

b) Thỏa thuận, hợp đồng đầu tư với đối tác nước ngoài hoặc điều lệ, nghị quyết hoặc tài liệu tương đương của tổ chức kinh tế được thành lập tại nước tiếp nhận đầu tư; hoặc thỏa thuận, hợp đồng hoặc tài liệu khác xác định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương thể hiện hình thức đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư. Trường hợp áp dụng tài liệu này, nhà đầu tư cung cấp kèm theo tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của đối tác nước ngoài, tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoặc cổ đông của tổ chức kinh tế ở nước ngoài mà nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;

c) Tài liệu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư chứng minh quyền thực hiện hoạt động đầu tư.

4. Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu

tư của nhà đầu tư trong đó nêu rõ số tài khoản, loại đồng tiền.

5. Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về số tiền nhà đầu tư đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật đầu tư (nếu có).

Điều 15. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định Điều 18 Nghị định số/2026/NĐ-CP:

1. Hồ sơ áp dụng cho các dự án quy định tại Điều 18 Nghị định số...../2026/NĐ-CP bao gồm:

a) Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư;

c) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

d) Các thành phần hồ sơ như quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Thông tư này;

đ) Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài quy định tại Điều 13 Nghị định số.... ;

e) Tài liệu khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư (nếu có).

2. Đối với dự án quy định tại khoản 1 (trừ điểm a khoản 1) Điều 12 Nghị định số...../2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài là một trong những giấy tờ sau, trong đó có nội dung xác định địa điểm:

(i) Giấy phép đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

(ii) Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;

(iii) Hợp đồng trúng thầu, thầu khoán; hợp đồng giao đất, cho thuê đất; hợp đồng hợp tác đầu tư, kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong hợp đồng đối với địa điểm;

(iv) Thỏa thuận nguyên tắc về việc giao đất, cho thuê đất, thuê địa điểm kinh doanh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; thỏa thuận hợp tác đầu tư kinh doanh kèm theo tài liệu chứng minh thẩm quyền của bên liên quan trong thỏa thuận đối với địa điểm.

2. Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài gắn với quốc phòng, an ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số...../2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hiệp định giữa hai Chính phủ hoặc các văn bản thỏa thuận giữa các cơ quan hai nước được Chính phủ phê duyệt.

3. Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số...../2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tài liệu liên quan đến thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định số...:

(i) Nghị quyết hoặc quyết định về đầu tư ra nước ngoài của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc;

(ii) Văn bản phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nếu vốn đầu tư ra nước ngoài lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số...../2026/NĐ-CP).

4. Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế khác quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số...../2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có quy mô lớn đáp ứng ít nhất hai trong ba tiêu chí có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm trên 200 người trở lên, có tổng doanh thu của năm trên 300 tỷ đồng trở lên, có tổng tài sản trên 100 tỷ đồng trở lên theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

c) Tài liệu chứng minh việc sử dụng nguồn ngoại tệ tự có trong trường hợp chuyển vốn đầu tư bằng ngoại tệ, không sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư ra nước ngoài, bao gồm: văn bản cam kết của nhà đầu tư về sử dụng ngoại tệ tự có để đầu tư ra nước ngoài, văn bản cam kết của nhà đầu tư về không sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 Thông tư này; văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về số dư ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam trên tài khoản của nhà đầu tư tại thời điểm gần nhất trước ngày nộp hồ sơ đăng ký xác nhận giao dịch ngoại hối, trong đó xác nhận về nguồn tiền trên tài khoản của nhà đầu tư;

d) Báo cáo tài chính hợp nhất của nhà đầu tư chứng minh hoạt động kinh doanh có lãi trong 2 năm liền kề trước năm đầu tư;

đ) Tài liệu chứng minh nhà đầu tư đã có ít nhất 2 dự án đầu tư ra nước ngoài có lợi nhuận đã chuyển về nước, bao gồm: văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư hoặc tài liệu khác.

5. Trường hợp nhà đầu tư sở hữu cổ phần, phần vốn góp trong dự án ở nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số...../2026/NĐ-CP, hồ sơ bao

gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tài liệu xác định giá trị giao dịch theo nguyên tắc thị trường đối với trường hợp hoán đổi để sở hữu cổ phần, phần vốn góp theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số.../2026/NĐ-CP.

Điều 16. Các trường hợp đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối

Nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực khi có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối đã được cấp lần gần nhất và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài, bao gồm:

1. Thay đổi tên nhà đầu tư thực hiện dự án nhưng không thay đổi pháp nhân.

2. Thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án trong trường hợp chuyển nhượng một phần dự án đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư trong nước.

3. Thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư làm thay đổi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

4. Thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư.

5. Thay đổi liên quan đến tăng vốn đầu tư bằng tiền (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25) hoặc giảm vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư so với mức vốn đầu tư bằng tiền đã được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

6. Thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài của nhà đầu tư trong trường hợp số tiền chuyển ra nước ngoài trong kỳ nhiều hơn so với tiến độ đã được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

7. Thay đổi (bao gồm mở mới) tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác của cùng một dự án đầu tư ra nước ngoài tại một ngân hàng được phép;

8. Thay đổi liên quan đến sử dụng lợi nhuận từ dự án đầu tư ở nước ngoài để tái đầu tư cho chính dự án đó (đối với dự án không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).

Điều 17. Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với dự án thuộc diện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 17 Nghị định số...

1. Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với hồ sơ thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

3. Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư về số dư trên tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài từng lần; số vốn bằng tiền và lợi nhuận đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi.

4. Trường hợp thay đổi liên quan đến tăng vốn đầu tư bằng tiền quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này;

b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi như quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với dự án không thuộc diện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 18 Nghị định số....

1. Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với hồ sơ không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản xác nhận của ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư về số dư trên tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài từng lần; số vốn bằng tiền và lợi nhuận đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi.

3. Trường hợp thay đổi liên quan đến tăng vốn đầu tư bằng tiền quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều này;

b) Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư;

c) Tài liệu như quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này, trong đó có nội dung về việc nhà đầu tư tăng vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền;

d) Hiệp định sửa đổi, bổ sung giữa hai Chính phủ hoặc các văn bản thỏa thuận giữa các cơ quan hai nước được Chính phủ phê duyệt (nếu có);

đ) Tài liệu như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Thông tư này;

e) Tài liệu như quy định tại khoản 4 (trừ điểm a) Điều 15 Thông tư này;

4. Trường hợp thay đổi liên quan đến giảm vốn đầu tư bằng tiền quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều này;

b) Quyết định hoặc Nghị quyết của nhà đầu tư liên quan đến việc giảm vốn đầu tư ra nước ngoài.

5. Tài liệu khác chứng minh nội dung thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 19. Các trường hợp thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nội dung thay đổi, nhà đầu tư phải gửi thông báo bằng văn bản tới Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất và ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư khi phát sinh nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư nhưng không làm thay đổi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Thay đổi tên dự án đầu tư ở nước ngoài hoặc tên tổ chức kinh tế thành lập ở nước ngoài;

c) Thay đổi về số tài khoản vốn do ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài thực hiện tái cơ cấu, sáp nhập, hợp nhất.

Điều 20. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận, yêu cầu bổ sung và trả kết quả hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực; hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận hoặc trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực.

3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định.

4. Các tài liệu trong hồ sơ giấy quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 17 và Điều 18 Thông tư này thực hiện như sau:

a) Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, văn bản cam kết của nhà

đầu tư phải là bản gốc hoặc bản chính;

b) Các văn bản, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc do ngân hàng được phép xác nhận cho nhà đầu tư là bản gốc, bản chính hoặc bản sao;

c) Các văn bản, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc điều lệ, nghị quyết, quyết định, tài liệu có giá trị tương đương khác của đối tác nước ngoài, tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư (trừ hợp đồng, thỏa thuận đầu tư hoặc tài liệu được ký kết giữa nhà đầu tư và đối tác nước ngoài...) là bản gốc, bản chính, bản sao được cấp từ sổ gốc. Các văn bản này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Các hợp đồng, thỏa thuận đầu tư hoặc tài liệu khác do nhà đầu tư ký kết với đối tác nước ngoài hoặc các văn bản, tài liệu liên quan đến quyết định đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư như nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên... là bản gốc, bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của nhà đầu tư về việc sao từ bản chính.

5. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài phải được lập bằng tiếng Việt, trong đó:

a) Trường hợp thành phần hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Hợp đồng, thỏa thuận đầu tư hoặc các tài liệu khác do nhà đầu tư ký kết với đối tác nước ngoài do nhà đầu tư tự dịch, xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của bản dịch.

6. Nhà đầu tư có trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn dữ liệu của tài liệu hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Thông tư này.

8. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này qua phương thức trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực.

9. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến

hoạt động đầu tư ra nước ngoài quy định tại Điều 6 Thông tư này có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Sau 60 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu nhà đầu tư không hoàn thành việc bổ sung hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 21. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực

1. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

2. Kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc trong thời hạn 30 ngày làm việc đối với dự án không thực hiện thủ tục Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực gửi nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục 07, Phụ lục 08 Thông tư này, hoặc văn bản từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục 09 Thông tư này; đồng thời sao gửi Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 22. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước

1. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đến Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước gửi hồ sơ lấy ý kiến cơ quan liên quan theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số.../2026/NĐ-CP:

a) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài gắn với quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số.../2026/NĐ-CP, lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan liên quan về các vấn đề đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan này trước khi thực hiện xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối;

b) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài của các tập đoàn, tổng công ty nhà

nước quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số.../2026/NĐ-CP, lấy ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, Bộ Tài chính hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan này;

c) Đối với dự án quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số.../2026/NĐ-CP, lấy ý kiến Bộ Tài chính, cơ quan thuế quản lý trực tiếp nhà đầu tư, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực hoặc cơ quan liên quan về việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư, việc đáp ứng các điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật và các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các cơ quan này liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài.

Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến trả lời Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số.../2026/NĐ-CP.

3. Kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư là tổ chức tín dụng hoặc trong thời hạn 45 ngày làm việc đối với dự án không thực hiện thủ tục Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước gửi nhà đầu tư văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục 10, Phụ lục 11 Thông tư này, hoặc gửi nhà đầu tư văn bản từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối theo mẫu tại Phụ lục 12 Thông tư này; đồng thời sao gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi nhà đầu tư là tổ chức đặt trụ sở chính trên địa bàn hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 23. Hiệu lực của văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Trường hợp dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực đương nhiên hết hiệu lực khi có quyết định chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý dự án đầu tư tại nước ngoài và chuyển về nước toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý dự án đầu tư (nếu có) theo quy định tại Điều 28 Nghị định số..., nhà đầu tư phải gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất và ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án theo mẫu tại Phụ lục 18 Thông tư này. Trong trường hợp này, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi

nhánh khu vực đương nhiên hết hiệu lực.

3. Khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc giả mạo hồ sơ, tài liệu đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, cơ quan xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại Điều 6 Thông tư này có văn bản gửi nhà đầu tư và ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư về việc chấm dứt hiệu lực và lý do chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Chương V

CHUYỂN LỢI NHUẬN, THU NHẬP HỢP PHÁP VÀ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 24. Chuyển lợi nhuận, khoản thu hợp pháp và chuyển vốn đầu tư về Việt Nam

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển lợi nhuận, vốn đầu tư và các khoản thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Lợi nhuận, vốn đầu tư và các khoản thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong trường hợp thanh lý, chấm dứt, giảm vốn đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư phải được chuyển vào tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư đó mở tại 01 ngân hàng được phép theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối với trường hợp chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 28 Nghị định số..., trước khi thực hiện việc chấm dứt dự án và chuyển toàn bộ vốn đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư phải thông báo với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 25. Sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài

1. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để tiếp tục góp vốn đầu tư ở nước ngoài trong trường hợp chưa góp đủ vốn theo đăng ký hoặc tăng vốn đầu tư ra nước ngoài cho chính dự án đó ở nước ngoài quy định điểm a và b khoản 1 Điều 33 Nghị định số.../2026/NĐ-CP:

a) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh, nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước khu vực nơi đã xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài lần gần nhất.

b) Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, sau khi nhà đầu tư thực hiện cập nhật thông tin về dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, phải thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối với Ngân hàng

Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi đã xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc cập nhật thông tin.

2. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài khác quy định điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định số.../2026/NĐ-CP, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu đối với dự án đầu tư mới theo quy định tại Thông tư này, bao gồm:

a) Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

b) Sau khi kê khai thông tin và được cấp mã số khai hồ sơ tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

3. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận được chia từ tổ chức kinh tế ở nước ngoài để hoán đổi nghĩa vụ phát sinh tại nước ngoài với đối tác có hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số.../2026/NĐ-CP, nhà đầu tư phải thực hiện thông báo với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi xác nhận giao dịch ngoại hối lần gần nhất.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG ĐƯỢC PHÉP VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 26. Trách nhiệm của ngân hàng được phép

1. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện đúng quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Xây dựng, ban hành và chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ liên quan đến việc chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài), trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Quy định về quản lý tài khoản vốn đầu tư cho nhà đầu tư gắn với mã số dự án hoặc mã số khai hồ sơ tự động được cấp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư;

b) Quy định về hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan các giao dịch chuyển tiền trước đầu tư và chuyển tiền sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài); và quy định về kiểm tra, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến các giao dịch chuyển tiền thực tế cho nhà đầu tư;

c) Quy định về minh bạch dòng tiền khi thực hiện chuyển tiền cho nhà đầu tư, trong đó yêu cầu nhà đầu tư ghi rõ: số tiền, ghi rõ mục đích chuyển tiền trước đầu

tư (đối với giao dịch chuyển tiền trước đầu tư) hoặc số tiền, hình thức đầu tư, mã số dự án đầu tư hoặc mã số khai hồ sơ tự động được cấp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (đối với giao dịch chuyển tiền sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối) tại mỗi lệnh chuyển tiền.

3. Khi thực hiện các giao dịch ngoại hối liên quan đến chuyển tiền trước đầu tư, chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, các giao dịch ngoại hối khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, ngân hàng được phép phải xem xét, kiểm tra và lưu giữ các hồ sơ, tài liệu, chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng dịch vụ ngoại hối cho nhà đầu tư được thực hiện đúng mục đích, tuân thủ quy định của pháp luật.

4. Xác nhận bằng văn bản về việc mở hoặc đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư, trong đó nêu rõ số tài khoản, loại đồng tiền, số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư, số vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài, số vốn bằng tiền và lợi nhuận đã chuyển về Việt Nam.

5. Xác nhận bằng văn bản về số dư trên tài khoản vốn đầu tư, số vốn đầu tư bằng tiền đã chuyển ra nước ngoài; số vốn bằng tiền và lợi nhuận đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi.

6. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 31 Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, thực hiện việc chuyển tiền đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài vào Việt Nam, thực hiện chế độ báo cáo và các quy định khác tại Thông tư này và quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Thực hiện việc chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài theo đúng nội dung văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ, tài liệu và nội dung đăng ký giao dịch ngoại hối theo quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện việc chuyển tiền ra nước ngoài trước đầu tư để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo đúng mục đích và không được vượt quá hạn mức quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số .../2026/NĐ-CP và Thông tư này.

4. Cung cấp văn bản xác nhận của ngân hàng được phép về việc đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây cho ngân hàng được phép nơi mở tài khoản mới.

5. Có trách nhiệm xuất trình các hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của ngân hàng được phép và chịu trách

nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các hồ sơ, tài liệu, chứng từ đã xuất trình cho ngân hàng được phép.

6. Kế khai trung thực, đầy đủ nội dung thu, chi trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư, tài khoản vốn đầu tư.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tiền chuyển ra nước ngoài trước đầu tư để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư và số vốn đầu tư bằng tiền chuyển ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) theo đúng mục đích quy định tại Điều 32 Nghị định số... và Thông tư này.

8. Ghi rõ các thông tin về số tiền, ghi rõ mục đích chuyển tiền trước đầu tư (đối với giao dịch chuyển tiền trước đầu tư) hoặc số tiền, hình thức đầu tư, mã số dự án đầu tư hoặc mã số khai hồ sơ tự động được cấp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (đối với giao dịch chuyển tiền sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối) tại mỗi lệnh chuyển tiền.

9. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực về việc chấp hành các quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 28. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực

1. Tiếp nhận, xử lý việc đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư theo thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này; xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

2. Theo dõi, thống kê và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, chuyển vốn và lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư trên địa bàn theo quy định tại Điều 32 Thông tư này.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

4. Hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Thông tư này.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 29. Trách nhiệm của Cục Quản lý ngoại hối

1. Tiếp nhận, xử lý việc đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư theo thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này; xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

2. Gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và các đơn vị liên quan trong Ngân hàng Nhà nước về đề nghị xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của tổ chức, cá nhân, trong đó có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan được lấy ý kiến.

3. Tổng hợp ý kiến, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định việc xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối cho nhà đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số.../2026/NĐ-CP có mức vốn đầu tư trên 800 tỷ đồng Việt Nam.

4. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm gửi thông tin cho Bộ Tài chính về tình hình xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

5. Định kỳ hàng năm, trước ngày 15 tháng 3 của năm sau năm báo cáo, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) gửi Bộ Tài chính báo cáo về tình hình chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài trước đầu tư và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) và tình hình chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến các dự án đầu tư ra nước ngoài.

6. Phối hợp với các cơ quan liên quan và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

7. Thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Điều 30. Trách nhiệm của đơn vị trong Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị liên quan trong Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến việc xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối cho tổ chức, cá nhân theo đề nghị của Cục Quản lý ngoại hối.

Chương VIII CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 31. Chế độ báo cáo đối với ngân hàng được phép

1. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng kế tiếp tháng báo cáo, ngân hàng được phép phải gửi báo cáo về tình hình chuyển tiền thực tế liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài thông qua tài khoản vốn đầu tư theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này đến:

a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi ngân hàng được phép đặt trụ sở chính. Báo cáo bằng văn bản có chữ ký, đóng dấu của ngân hàng được phép;

b) Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) theo phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaodautura@sbv.gov.vn của Ngân hàng Nhà nước. Báo cáo gửi qua hòm thư điện tử bao gồm bản scan báo cáo có ký, đóng dấu của ngân hàng được phép dưới định dạng tệp PDF và tệp dữ liệu báo cáo theo mẫu dưới định dạng excel.

2. Ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư phải báo cáo tình hình thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Ngân hàng được phép không có số liệu phát sinh trong kỳ báo cáo và số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 13 Thông tư này, không phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều này.

Điều 32. Chế độ báo cáo đối với nhà đầu tư

Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo, nhà đầu tư phải gửi báo cáo về tình hình chuyển tiền thực tế liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này đến:

1. Ngân hàng Nhà nước khu vực nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần gần nhất. Báo cáo bằng văn bản có chữ ký của nhà đầu tư, có đóng dấu của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư là tổ chức).

2. Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) theo phương thức điện tử về địa chỉ hộp thư điện tử baocaodautura@sbv.gov.vn của Ngân hàng Nhà nước. Báo cáo gửi qua hòm thư điện tử bao gồm bản scan báo cáo có chữ ký, có đóng dấu của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư là tổ chức) dưới định dạng tệp PDF và tệp dữ liệu báo cáo theo mẫu dưới định dạng excel.

Điều 33. Chế độ báo cáo đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực

1. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo tháng báo cáo, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) báo cáo về tình hình xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo thẩm quyền theo mẫu tại Phụ lục số 15 Thông tư này.

2. Định kỳ hàng năm, trước ngày 15 tháng 2 của năm sau năm báo cáo, Ngân

hàng Nhà nước chi nhánh khu vực phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) báo cáo về tình hình chuyển tiền trước đầu tư và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) và tình hình chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực theo mẫu tại Phụ lục số 16 và Phụ lục số 17 Thông tư này.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực báo cáo Ngân hàng nhà nước về tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư trên địa bàn theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực.

Điều 34. Yêu cầu báo cáo đột xuất

Trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, nhà đầu tư, ngân hàng được phép thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026
2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài.

Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và đã được cấp văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhà đầu tư tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, trừ trường hợp có thay đổi so với nội dung đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối.
2. Đối với các hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết, việc xử lý hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung).

Điều 37. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại

hồi tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;
- Ngân hàng thương mại;
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, Cục QLNH (04).

THỐNG ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LẦN ĐẦU
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số ngày

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động

đầu tư ra nước ngoài đối với Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư:

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹ số:; ngày cấp.....; cơ quan cấp.....

Hoặc:

Mã số định danh cá nhân *[nếu nhà đầu tư là cá nhân]*:

3. Địa chỉ trụ sở:

4. Địa chỉ liên hệ:

5. Số điện thoại:

Email:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI:

1. Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện, ở nước ngoài số ngày..... *[đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng]*:

2. Văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu có giá trị tương đương theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư .../2026/TT-NHNN *(ghi rõ loại văn bản, số văn bản, ngày cấp, cơ quan cấp ...)*:

3. Tên dự án/Tên Hợp đồng BCC:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

6. Giá trị góp vốn của Nhà đầu tư:; Trong đó:

- Bằng tiền:

- Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): (chi tiết các hình thức góp vốn).

7. Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

¹ Hoặc tài liệu khác về tư cách pháp lý của tổ chức/doanh nghiệp: Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

- Thời gian chuyển:
- Mục đích sử dụng:
- Số tài khoản trước đầu tư:; Mở tại:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {Loại ngoại tệ} số:, mở tại:, ngày

2. Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:

3. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
1	Quý....Năm...									
2	Quý....Năm...									
...										

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

IV. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Thông tư số .../2026/TT-NHNN)

-
-

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LẦN ĐẦU
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư thứ 1:

1.1. Thông tin pháp lý của nhà đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp² số:; ngày cấp.....; cơ quan cấp.....

- Loại hình tổ chức, doanh nghiệp:

☐ **Doanh nghiệp Nhà nước**

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có): ... Tỷ lệ % vốn nhà nước:...

² Hoặc tài liệu khác về tư cách pháp lý của tổ chức/doanh nghiệp: Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

☐ **Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

Tỉ lệ % vốn nước ngoài:...

☐ **Tổ chức kinh tế khác**

- Mã số định danh cá nhân *[nếu nhà đầu tư là cá nhân]*:

1.2. Địa chỉ trụ sở:

1.3. Địa chỉ liên hệ:

1.4. Số điện thoại:

Email:

2. Tên nhà đầu tư thứ 2:

(khai tương tự nhà đầu tư thứ 1)

3. Tên nhà đầu tư thứ n:

(khai tương tự nhà đầu tư thứ 1)

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI

1. Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện, ở nước ngoài số ngày..... *[đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng]*

2. Văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu có giá trị tương đương theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư .../2026/TT-NHNN *(ghi rõ loại văn bản, số văn bản, ngày cấp, cơ quan cấp ...)*:

3. Hình thức đầu tư:

[Nhà đầu tư tích [x] vào một trong những hình thức đầu tư dưới đây]:

- ☐ Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư
- ☐ Đầu tư theo hình thức Hợp đồng ... *(ghi rõ tên loại hợp đồng)* ở nước ngoài
- ☐ Góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó
- ☐ Hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư: ...

4. Tên Dự án/ Tên Hợp đồng BCC:

5. Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài *[đối với dự án thành lập tổ chức kinh tế ở*

nước ngoài]:

Hoặc: Đối tác nước ngoài tham gia Dự án [trường hợp nhà đầu tư đăng ký theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài]:

6. Địa điểm thực hiện Dự án:

7. Thời gian thực hiện Dự án: từ năm đến năm

8. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài đăng ký tại hồ sơ cấp mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), tương đương đồng Việt Nam

Trong đó:

- Bằng tiền:(ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại đồng tiền), tương đương đồng Việt Nam;

- Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): {chi tiết các hình thức góp vốn}.

9. Giá trị góp vốn bằng tiền của nhà đầu tư Việt Nam: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), tương đương đồng Việt Nam, tương đương đô la Mỹ. Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), tương đương đồng Việt Nam;

- Vốn vay: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), tương đương đồng Việt Nam;

- Nguồn vốn vay:

10. Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (nếu có):...

- Thời gian chuyển:

- Mục đích sử dụng:

- Số tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:; mở tại

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {Loại ngoại tệ} số:, mở tại:, ngày

2. Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:

3. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
	Quý....Năm...									
	Quý....Năm...									
										

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

IV. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Thông tư số .../2026/TT-NHNN)

-

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2026 của
Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT VỀ SỬ DỤNG NGOẠI TỆ TỰ CÓ
ĐỂ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Thực hiện quy định tại Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày quy định về đầu tư ra nước ngoài và Thông tư số .../2026/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} cam kết chỉ sử dụng nguồn ngoại tệ tự có trên tài khoản của {Tên nhà đầu tư} để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với dự án {ghi rõ tên dự án đầu tư} tại {tên nước tiếp nhận đầu tư}.

Cụ thể, {Tên nhà đầu tư} hiện có số ngoại tệ trên tài khoản số, mở tại ... {Tên tổ chức tín dụng} với số dư tính đến ngày... tháng... năm... là... (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), đảm bảo đáp ứng nhu cầu chuyển tiền ra nước ngoài để thực hiện dự án {ghi rõ tên dự án đầu tư} tại {tên nước tiếp nhận đầu tư}.

{Tên nhà đầu tư} xin gửi kèm văn bản của {Tên tổ chức tín dụng} xác nhận số dư trên tài khoản ngoại tệ với nội dung nêu trên.

{Tên nhà đầu tư} chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai và về nội dung cam kết chỉ sử dụng nguồn ngoại tệ tự có để đầu tư ra nước ngoài.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(Người đại diện theo pháp luật của tổ
chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2026 của
Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT KHÔNG SỬ DỤNG VỐN VAY

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

Thực hiện quy định tại Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày quy định về đầu tư ra nước ngoài và Thông tư số .../2026/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} cam kết không sử dụng nguồn vốn vay để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với dự án {ghi rõ tên dự án đầu tư} tại {tên nước tiếp nhận đầu tư}:

- Tên dự án/Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ...

- Địa chỉ trụ sở: ...

- Địa điểm thực hiện dự án: ...

- Mục tiêu chính của dự án: ...

- Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư: ... (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ).

{Tên nhà đầu tư} chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai và về nội dung cam kết không sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư ra nước ngoài.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(Người đại diện theo pháp luật của tổ
chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh số ngày

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư:.....

2. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước số ngày;

3. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày

(Liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi);

**II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN
QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

1. Thay đổi 1:.....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

- Lý do thay đổi:

2. Thay đổi n:....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký:
- Nội dung đề nghị thay đổi:
- Lý do thay đổi:

III. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên của *{Tên nhà đầu tư}*.

2. *{Tên nhà đầu tư}* cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày ../../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê hồ sơ
theo quy định tại Điều 17
Thông tư số/2026/TT-NHNN)

-

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại
diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp ký,
ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư;

Căn cứ văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu sốngày... và các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối;

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ:

1. Tên nhà đầu tư:.....

2. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước số ngày

3. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày

(Liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi);

**II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN
QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:**

1. Thay đổi 1:.....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

- Lý do thay đổi:

2. Thay đổi n:....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

- Lý do thay đổi:

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên của *{Tên nhà đầu tư}*.

2. *{Tên nhà đầu tư}* cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày ../../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

(Nhà đầu tư liệt kê hồ sơ
theo quy định tại Điều 18
Thông tư số .../2026/TT-NHNN)

-
-

NHÀ ĐẦU TƯ

(Nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh
doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ
chức/doanh nghiệp ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI NHÁNH KHU VỰC...

Số:/.....

Ngày tháng năm

V/v xác nhận đăng ký giao dịch ngoại
hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu
tư ra nước ngoài

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có ý kiến như sau:

1. Xác nhận{Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày .../...../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Thông tin về nhà đầu tư, dự án đầu tư và chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc trước khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số:

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số hồ sơ tự động:

- Tên nhà đầu tư:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:

- Tên dự án/ Tên Hợp đồng BCC:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số: Ngày cấp:

Cơ quan cấp: (nếu có);

- Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số Ngày cấp Cơ quan cấp:

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài :.....

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài theo Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:

- Giá trị góp vốn bằng tiền của nhà đầu tư Việt Nam: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), tương đương đồng Việt Nam, tương đương đô la Mỹ. Trong đó:

(i) Bằng tiền:

- Vốn chủ sở hữu: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), tương đương đồng Việt Nam;

- Vốn vay: (ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ), tương đương đồng Việt Nam; {đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài}

- Nguồn vốn vay {đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài}:

(ii) Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): {chi Tiết các hình thức góp vốn}.

- Chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (nếu có) hoặc trước khi được cấp xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

(i) Số tiền đã chuyển: Thời gian chuyển: Mục đích sử dụng:

(ii) Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (nếu có)/xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu số: mở tại ngày

3. Nội dung đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư} với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực như sau:

- Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {Loại ngoại tệ} số: mở tại:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:

- Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Bằng giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ

1	Quý....Năm ...									
2	Quý....Năm ...									
										

(Chi Tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

4. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày .../...../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

5. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....., không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 2 và 3 của công văn này.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vựcthông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC ...
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu tự động hết hiệu lực khi nhà đầu tư có Thông báo chấm dứt dự án đầu tư

PHỤ LỤC SỐ 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI NHÁNH KHU VỰC ...

Số:/.....

Ngày tháng năm

V/v xác nhận đăng ký thay đổi giao
dịch ngoại hối liên quan đến hoạt
động đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có ý kiến như sau:

1. Xác nhận{Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày .../...../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Thông tin về nhà đầu tư, dự án đầu tư và chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc trước khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số:

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số dự án đầu tư tự động:

- Tên nhà đầu tư:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:

- Tên dự án/ Tên Hợp đồng BCC:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số: Ngày cấp:

Cơ quan cấp: ;

- Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số Ngày cấp Cơ quan cấp:

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:.....

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài theo Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:

- Giá trị góp vốn bằng tiền của nhà đầu tư Việt Nam: (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ*), tương đương đồng Việt Nam, tương đương đô la Mỹ. Trong đó:

(i) Bằng tiền:

- Vốn chủ sở hữu: (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ*), tương đương đồng Việt Nam;

- Vốn vay: (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ*), tương đương đồng Việt Nam; {đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài}

- Nguồn vốn vay {đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài}:

(ii) Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): {*chi Tiết các hình thức góp vốn*}.

- Chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc trước khi được cấp xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

(i) Số tiền đã chuyển: Thời gian chuyển: Mục đích sử dụng:

(ii) Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài/xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu số: mở tại ngày

3. Nội dung đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư} với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực như sau:

- Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {Loại ngoại tệ} số: mở tại:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:

- Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Bảng giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
	Quý....Năm ...									
	Quý....Năm ...									
										

(Chi Tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

4. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày .../...../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

5. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực....., không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 2 và 3 của công văn này.

Ngân hàng Nhà nước/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thông báo đề {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC ...**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối tự động hết hiệu lực khi nhà đầu tư có Thông báo chấm dứt dự án đầu tư

PHỤ LỤC SỐ 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

Ngày tháng năm

*V/v Từ chối đăng ký giao dịch ngoại hối lần
đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước
ngoài*

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có ý kiến như sau:

1. Về việc lập và gửi hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực rà soát đối chiếu quy định về các hình thức nộp hồ sơ tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

2. Về thông tin dự án đầu tư và đăng ký tiến độ chuyển vốn:

Rà soát trên cơ sở căn cứ quy định về thành phần hồ sơ tại Thông tư này; tính thống nhất thông tin trong hồ sơ, tính hợp lệ của giấy tờ pháp lý, quy định về mở tài khoản vốn, nội dung chuyển tiền .. để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Ngày tháng năm

V/v xác nhận đăng ký giao dịch ngoại
hối lần đầu liên quan đến hoạt động
đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/..../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) có ý kiến như sau:

1. Xác nhận{Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày .../...../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Thông tin về nhà đầu tư, dự án đầu tư và chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc trước khi được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số:

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số hồ sơ tự động:

- Tên nhà đầu tư:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:

- Tên dự án/ Tên Hợp đồng BCC:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số: Ngày cấp:
Cơ quan cấp: (nếu có);

- Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số Ngày cấp Cơ quan cấp:
.....

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài :.....

- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài theo Mã số dự án đầu tư tự động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:

- Giá trị góp vốn bằng tiền của nhà đầu tư Việt Nam: (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ*), tương đương đồng Việt Nam, tương đương đô la Mỹ. Trong đó:

(i) Bằng tiền:

- Vốn chủ sở hữu: (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ*), tương đương đồng Việt Nam;

- Vốn vay: (*ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và loại ngoại tệ*), tương đương đồng Việt Nam; {*đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài*}

- Nguồn vốn vay {*đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài*}:

(ii) Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): {*chi Tiết các hình thức góp vốn*}.

- Chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

(i) Số tiền đã chuyển: **Thời gian chuyển:** **Mục đích sử dụng:**
.....

(ii) Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (nếu có)/xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu số: mở tại ngày

3. Nội dung đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của {*Tên nhà đầu tư*} với Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) như sau:

- Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {*Loại ngoại tệ*} số: mở tại:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:

- Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

STT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Bảng giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy US D	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
	Quý....Năm ...									
	Quý....Năm ...									
										

(Chi Tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

4. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../...../2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

5. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)....., không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 2 và 3 của công văn này.

Ngân hàng Nhà nước thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;

....

- Ngân hàng được phép (để p/h);

- Lưu

Ghi chú:

- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu tự động hết hiệu lực khi nhà đầu tư có Thông báo chấm dứt dự án đầu tư

TL. THÔNG ĐỐC
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Ngày tháng năm

V/v xác nhận đăng ký thay đổi
giao dịch ngoại hối liên quan đến
hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Trả lời đề nghị của {Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Nội dung đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của {Tên nhà đầu tư} với Ngân hàng Nhà nước như sau:

☐ Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số:

☐ Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, mã số dự án đầu tư tự động:

2.1. Nội dung thay đổi 1:

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký:
- Nội dung; đề nghị thay đổi:

2.2. Nội dung thay đổi n:....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký:
- Nội dung đề nghị thay đổi:

.....

3. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

4. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại điểm 2 của công văn này.

5. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước số ngày và văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước số ngày

Ngân hàng Nhà nước thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ngân hàng được phép (để p/h);
- Lưu

TL. THỐNG ĐỐC
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối tự động hết hiệu lực khi nhà đầu tư có Thông báo chấm dứt dự án đầu tư

- Trường hợp xác nhận đăng ký thay đổi về tài khoản vốn đầu tư Ngân hàng Nhà nước ghi rõ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} có trách nhiệm chuyển toàn bộ số dư sang tài khoản mới theo công văn này. Đồng thời, tài khoản vốn đầu tư hiện tại số mở tại: không được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu chi quy định tại Điều ..., Điều ... Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

PHỤ LỤC SỐ 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v Từ chối đăng ký giao dịch
ngoại hối lần đầu liên quan đến
hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Ngày tháng năm

Kính gửi: {Tên nhà đầu tư}

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài.

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-NHNN ngày/2026 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ngày kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) có ý kiến như sau:

1. Về việc lập và gửi hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài:

Rà soát đối chiếu quy định về các hình thức nộp hồ sơ tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

2. Về thông tin dự án đầu tư và đăng ký tiền độ chuyên vốn:

Rà soát trên cơ sở căn cứ quy định về thành phần hồ sơ tại Thông tư này; tính thống nhất thông tin trong hồ sơ, tính hợp lệ của giấy tờ pháp lý, quy định về mở tài khoản vốn, nội dung chuyển tiền .. để kiểm tra và nêu rõ lý do từ chối.

Ngân hàng Nhà nước thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc (để b/c);
- Lưu:

TL. THỐNG ĐỐC
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng nhà nước)

Tên Ngân hàng được phép:
Địa chỉ
SĐT:

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHUYỂN TIỀN THỰC TẾ
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**
(Tháng.....năm)

Đơn vị tính: Nghìn USD

Stt	Tên nhà đầu tư	Mã số thuế	Mã số GCNDKĐT	Mã số dự án đầu tư tự động	Số tiền chuyển ra nước ngoài trước khi cấp GCN ĐKĐT/VB xác nhận ĐKGDNH	Số tài khoản vốn đầu tư		Số vốn chuyển ra nước ngoài	Số vốn chuyển về VN	Lợi nhuận chuyển về VN	Các nguồn thu hợp pháp khác chuyển về Việt Nam	Nội dung chuyển tiền
						Số tài khoản	Loại tài khoản					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty A	12345				1234555	USD					
1.1						3959772	EUR					
						...						
2	Công ty B	56666				A97653	VND					
												

Người lập biểu
(ký tên)
SĐT

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG ĐƯỢC PHÉP
(ký tên, đóng dấu)

- 2. Thời gian gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 của tháng kế tiếp tháng báo cáo.
- 3. Hình thức báo cáo:** Bằng văn bản và phương thức điện tử.
- 4. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục QLNH) và NHNN Khu vực nơi ngân hàng được phép đặt trụ sở chính.

PHỤ LỤC SỐ 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng nhà nước)

Tên nhà đầu tư:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Mã số thuế:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHUYỂN TIỀN THỰC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Quý năm)

Đơn vị tính: Nghìn USD

STT	Tên dự án	Nước tiếp nhận đầu tư	Mã số GCNĐKĐT	Mã số dự án đầu tư tự động	Tổng vốn đầu tư của dự án	Vốn góp của nhà đầu tư theo GCNĐKĐT/VB xác nhận ĐKGDNH			Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi cấp	Giá trị góp vốn kỳ báo cáo						Giá trị góp vốn lũy kế						Lợi nhuận và thu nhập hợp pháp đã chuyển về VN			Vốn đầu tư đã chuyển về VN		Dự kiến nhu cầu chuyển vốn trong quý tiếp theo		Ngân hàng được phép thực hiện		Ghi chú
						Vốn tự có	Vốn vay			Bảng tiền	Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Hoán đổi lợi nhuận, cổ phần	Giá trị góp vốn khác	Bảng tiền	Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Hoán đổi lợi nhuận, cổ phần	Giá trị góp vốn khác	Kỳ báo cáo	Lũy kế	Kỳ báo cáo	Lũy kế	Bảng tiền	Giá trị góp vốn khác	Tên ngân hàng	Chi nhánh		
							Trong nước	Nước ngoài																							
1	2	4	5			6	7	8	9	10	11	12	13	14		15	16	17	18	19		20	21	2 2	23	24	25	26	27	28	
1	Dự án 1																														
2	Dự án 2																														
...	...																														
Tổng cộng																															

- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu:

- Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi - lần:
- Năm cấp GCNĐKĐT lần đầu:
- Năm cấp thay đổi GCNĐKĐT - lần:
- Thời hạn dự án:

..... ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối tượng áp dụng: Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng...) theo quy định tại Thông tư này.

2. Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo

3. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản và phương thức điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo:

- Đối với dự án quy định tại khoản 2,3,4 Điều 19 Thông tư này: Nhà đầu tư gửi báo cáo tới NHNN (Cục QLNH)
- Đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này và dự án cấp GCNĐKĐT: Nhà đầu tư gửi báo cáo tới NHNN chi nhánh khu vực nơi nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi nhà đầu tư khác đăng ký kinh doanh.

PHỤ LỤC SỐ 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng nhà nước)

NHNN chi nhánh Khu vực:
Địa chỉ:
Số điện thoại:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
(Tháng..... Năm)

Đơn vị tính: Nghìn USD

STT	Tên NĐT	Tên dự án	Mã số dự án đầu tư tự động	Tình trạng đăng ký		Tổng vốn đầu tư của dự án theo mã số dự án đầu tư tự động	Vốn góp của nhà đầu tư theo mã số dự án đầu tư tự động			Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp mã số dự án đầu tư tự động	Thời gian đăng ký chuyển vốn dự kiến	Bảng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Bảng giá trị góp vốn khác		
				Đăng ký lần đầu	Đăng ký thay đổi		Vốn tự có	Vốn vay				Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
								Trong nước	Nước ngoài											
1	2					6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1		Dự án 1																		
2		Dự án 2																		
...	...																			

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH KHU VỰC

- 2. Thời gian gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 05 của tháng tiếp theo tháng báo cáo.
- 3. Hình thức báo cáo:** Bằng phương thức điện tử (gửi email bản PDF & Excel)
- 4. Đơn vị nhận báo cáo:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN TIỀN ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI
TRƯỚC ĐẦU TƯ VÀ SAU KHI ĐƯỢC CẤP GCNĐKĐT**

(*Năm*)

Đơn vị tính: Nghìn USD

[illegible]

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH KHU VỰC

- 2. Thời gian gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 tháng 2 của năm sau năm báo cáo
- 3. Hình thức báo cáo:** Phương thức điện tử (PDF + Excel)
- 4. Đơn vị nhận báo cáo:** Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

PHỤ LỤC SỐ 17

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày ... tháng năm 2026 của Ngân hàng nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN TIỀN ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI
TRƯỚC ĐẦU TƯ VÀ SAU KHI ĐƯỢC XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI
(Năm)**

Đơn vị tính: Nghìn USD

[illegible]

Tổng cộng																												
--------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

..... ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

- 2. *Thời gian gửi báo cáo:* Chậm nhất ngày 15 tháng 2 hàng năm.
- 3. *Hình thức báo cáo:* Bằng văn bản.
- 4. *Đơn vị nhận báo cáo:* Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối)

PHỤC LỤC SỐ 18

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-NHNN ngày tháng năm 2026 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Về việc: Chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi:

- Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối);
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....;
- Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài);
- Ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư.

(Các) nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) thông báo chấm dứt dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ..., điều chỉnh lần ... ngày ... (nếu có) hoặc chấm dứt dự án đầu tư theo mã số dự án đầu tư tự động số có văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối lần đầu số ngày, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối số ... ngày, thay đổi lần (nếu có) như sau:

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:.....

Mã định danh cá nhân:.....

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:Fax:Email (nếu có):

.....

Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài số {loại ngoại tệ} mở tại {tên ngân hàng được phép – chi nhánh} ngày

b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:

Tên tổ chức/doanh nghiệp:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức) số:; ngày cấp.....; Cơ quan cấp

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế:

Điện thoại:Fax:Email (nếu có):.....

Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài số {loại ngoại tệ} mở tại {tên ngân hàng được phép – chi nhánh} ngày

II. TÌNH HÌNH CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI VÀ CHUYỂN TIỀN VỀ VIỆT NAM CỦA DỰ ÁN QUA TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ

1. Vốn lũy kế đã chuyển ra nước ngoài từ khi bắt đầu triển khai dự án đến thời điểm xin chấm dứt dự án: ... (bằng số và bằng chữ)... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... đô la Mỹ, tương đương VNĐ.

2. Vốn lũy kế đã chuyển về Việt Nam từ khi bắt đầu triển khai dự án đến thời điểm xin chấm dứt dự án: ... (bằng số và bằng chữ)... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... đô la Mỹ, tương đương VNĐ.

3. Lợi nhuận (lỗ/lãi) đã chuyển về Việt Nam: ... (bằng số và bằng chữ)... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... đô la Mỹ, tương đương VNĐ.

4. Nguồn thu hợp pháp khác đã chuyển về Việt Nam (... (liệt kê các khoản thu, nếu có)): ... (bằng số và bằng chữ)... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... đô la Mỹ, tương đương VNĐ.

5. Tài sản khác chuyển về Việt Nam: ... (ghi rõ loại tài sản) trị giá ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... đô la Mỹ.

6. Lý do chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài:

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

(Các) Nhà đầu tư cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực và tính chính xác nội dung của các thông tin trên.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư (nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

Ghi chú: Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.